

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 21 ngày 06/11/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2024 trước đó là Thành viên Hội đồng quản trị)
Bà Nguyễn Thị Thuý Huyền	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2024 sau đó là Thành viên Hội đồng quản trị)
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là:

Bà Nguyễn Thị Thuý Huyền	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2024)
Bà Trần Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2024 trước đó là Tổng giám đốc)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Bà Nguyễn Thị Thuý Huyền	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2024)
Bà Trần Thị Thanh Bình	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2024)

Bà Trần Thị Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc được bà Nguyễn Thị Thuý Huyền ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Giấy Ủy quyền số 02/2024/UQ-HHVN ngày 25 tháng 10 năm 2024.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Bình

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Tại thuyết minh số 11 - "Chi phí trả trước dài hạn" Công ty đang theo dõi "Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN" với số tiền là 32.511.250.000 VND. Đây là phần giá trị còn lại của giao dịch Công ty mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) từ năm 2010 với giá trị là 77.022.500.000 VND. Công ty đã xác định tổn thất và ghi nhận vào các Báo cáo tài chính từ năm 2016 trở về trước với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu thích hợp để có thể đánh giá xem phần giá trị còn lại này đã tổn thất hết hay chưa và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.
2. Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản tiền 11.347.160.000 VND mà Công ty đã đặt cọc cho Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010 và các phụ lục có liên quan (Thuyết minh số 8(1)). Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty hay không.
3. Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, đồng thời chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty này trị giá 4.200.500.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đính kèm.
4. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá được khả năng thu hồi đối với số dư Phải thu khách hàng tồn đọng tại ngày 31/12/2024 là 3,28 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty hay không.

5. Công ty chưa ghi nhận khoản phải trả về chi phí bảo lãnh tính đến ngày 31/12/2024 số tiền khoảng 2,46 tỷ VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác (Mã số 319) phản ánh thiếu, đồng thời chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) phản ánh thừa cùng số tiền tương ứng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26) phản ánh thiếu và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế (Mã số 60) phản ánh thừa số tiền tương ứng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		233.833.514.912	237.247.453.085
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.144.706.455	11.826.724.359
111	1. Tiền		5.336.701.849	1.328.846.399
112	2. Các khoản tương đương tiền		808.004.606	10.497.877.960
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.692.664.146	2.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.692.664.146	2.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.479.810.298	40.812.974.454
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.770.651.482	5.790.651.482
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.239.014.783	14.157.880.048
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	64.000.000.000	64.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	19.495.699.933	17.889.998.824
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
140	IV. Hàng tồn kho	10	182.064.090.043	181.570.078.249
141	1. Hàng tồn kho		182.064.090.043	181.570.078.249
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		452.243.970	437.676.023
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		269.177.538	237.139.749
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	183.066.432	200.536.274
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		217.091.531.261	219.387.514.104
220	I. Tài sản cố định		-	17.640.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	-	17.640.000
222	- Nguyên giá		451.703.454	725.796.930
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(451.703.454)	(708.156.930)
230	II. Bất động sản đầu tư	13	4.341.513.185	4.447.401.185
231	- Nguyên giá		4.729.769.185	4.729.769.185
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(388.256.000)	(282.368.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14	8.460.132.829	8.265.823.866
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.460.132.829	8.265.823.866
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	171.704.716.728	174.028.261.530
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		165.504.216.728	167.827.761.530
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.200.500.000	6.200.500.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		32.585.168.519	32.628.387.523
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	32.585.168.519	32.628.387.523
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		450.925.046.173	456.634.967.189

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		224.039.230.075	227.348.884.328
310	I. Nợ ngắn hạn		224.039.230.075	227.348.884.328
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	46.740.726.703	49.323.624.469
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	174.479.908.009	174.480.179.791
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	-	61.838.279
314	4. Phải trả người lao động		39.584.000	48.263.600
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.577.209.878	3.228.676.704
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		201.801.485	206.301.485
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		226.885.816.098	229.286.082.861
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	226.885.816.098	229.286.082.861
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		59.696.774.500	59.696.774.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(21.118.002.077)	(21.118.002.077)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.944.698.303	23.944.698.303
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.232.251.900	4.232.251.900
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(43.026.825.463)	(40.627.579.462)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(40.627.579.462)	(42.944.926.881)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(2.399.246.001)	2.317.347.419
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.156.918.935	3.157.939.697
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		450.925.046.173	456.634.967.189


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Bình
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	848.407.070	5.043.840.828
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		848.407.070	5.043.840.828
11	3. Giá vốn hàng bán	22	555.888.000	4.402.604.695
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		292.519.070	641.236.133
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.931.620.662	4.012.805.426
24	6. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(2.323.544.802)	21.816.694
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	3.301.861.693	1.621.857.736
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.401.266.763)	3.054.000.517
31	9. Thu nhập khác	25	1.000.000	466.245.455
32	10. Chi phí khác		-	1.132.099.027
40	11. Lợi nhuận khác		1.000.000	(665.853.572)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.400.266.763)	2.388.146.945
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	75.260.687
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(2.400.266.763)	2.312.886.258
61	15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(2.399.246.001)	2.317.347.419
62	16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(1.020.762)	(4.461.161)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(133)	128


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Bình
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(2.400.266.763)	2.388.146.945
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		123.528.000	170.647.220
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(609.075.860)	(4.489.167.575)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.885.814.623)	(1.930.373.410)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(349.608.280)	1.205.475.358
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(494.011.794)	621.845.171
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(3.243.315.974)	(12.701.812.792)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		43.219.004	52.171.714
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(75.260.687)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.500.000)	(16.450.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.009.292.354)	(12.769.143.959)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(194.308.963)	(194.308.963)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.000.000	2.371.120.758
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	(15.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	12.500.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	15.620.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.520.583.413	370.468.344
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.327.274.450	15.067.280.139
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.682.017.904)	2.298.136.180
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.826.724.359	9.528.588.179
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	6.144.706.455	11.826.724.359


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Kế toán trưởng




Trần Thị Thanh Bình
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 21 ngày 06/11/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng), tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 03 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 10 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các Công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản
- Các hoạt động khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Theo công văn số 1028/TB-SGDHN ngày 09/08/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (MCK: PHH) thì Cổ phiếu đang lưu hành của công ty với số lượng 20.000.000 cổ phiếu với giá trị 200.000.000.000 VND chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần (Trong đó: số lượng cổ phiếu lưu hành 18.100.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 1.900.000 cổ phiếu). Đến thời điểm 31/12/2024, cổ phiếu Công ty vẫn bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Trong năm, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động cho thuê văn phòng, cho thuê nhà. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục chuyển hướng sang hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà và dịch vụ vận hành tại các toà nhà để tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Hà Nội	75,50%	75,50%	Xây lắp

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;

- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị

hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị quản lý

03 - 05 năm

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

45 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 năm đến 7 năm.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 Thông tin bộ phận

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu là cho thuê văn phòng, cho thuê nhà diễn ra tại khu vực miền Bắc Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.776.288	880.347.783
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.333.925.561	448.498.616
Các khoản tương đương tiền (i)	808.004.606	10.497.877.960
	6.144.706.455	11.826.724.359

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 808.004.606 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 4,2 %/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.692.664.146	-	2.600.000.000	-
	2.692.664.146	-	2.600.000.000	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn kỳ hạn 6 tháng có giá trị 2.692.664.146 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,4%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	31/12/2024			01/01/2024		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		%	%	VND	%	%	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				165.504.216.728			167.827.761.530
- Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	Bắc Ninh	33,53	33,53	8.608.556.694	33,53	33,53	8.761.044.234
- Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Hà Nội	20,69	20,69	156.895.660.034	20,69	20,69	159.066.717.296
				165.504.216.728			167.827.761.530

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	4.200.500.000	-	4.200.500.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	6.200.500.000	-	6.200.500.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	Nghệ An	19,05%	19,05%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	Quảng Ninh	9,98%	9,98%	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác	5.770.651.482	-	5.790.651.482	-
Công ty CP Xây dựng FPA	211.121.000	-	211.121.000	-
Công ty CP Xây dựng Thương mại Sơn Giang	316.212.000	-	336.212.000	-
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	903.978.486	-	903.978.486	-
Các khách hàng khác	4.339.339.996	-	4.339.339.996	-
	5.770.651.482	-	5.790.651.482	-

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác	14.239.014.783	-	14.157.880.048	-
Công ty CP Hancorp	1.780.746.126	-	1.780.746.126	-
Công ty CP Aluking quốc tế	4.565.601.794	-	4.565.601.794	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trung Tín	1.402.228.458	-	1.402.228.458	-
Các đối tượng khác	6.490.438.405	-	6.409.303.670	-
	14.239.014.783	-	14.157.880.048	-

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	55.000.000.000	(55.000.000.000)	-	-	55.000.000.000	(55.000.000.000)
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	(55.000.000.000)	-	-	55.000.000.000	(55.000.000.000)
Bên khác	9.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	9.000.000.000	-
Bà Chu Thị Phương Lan	9.000.000.000	-	-	-	9.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	64.000.000.000	(55.000.000.000)	5.000.000.000	5.000.000.000	64.000.000.000	(55.000.000.000)

(1) Là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi cho vay	6.082.884.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.261.044.103	-	-	-
Phải thu khác	12.151.770.930	-	11.864.442.924	-
- Khoản đặt cọc thực hiện hợp đồng (1)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
- Các khoản phải thu khác	804.610.930	-	517.282.924	-
	19.495.699.933	(6.025.555.900)	17.889.998.824	(6.025.555.900)
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	19.495.699.933	(6.025.555.900)	17.889.998.824	(6.025.555.900)
- Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
- Công ty cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	1.296.010.105	-	-	-
Bên khác	12.174.133.928	-	11.864.442.924	-
- Công ty TNHH Phong Thịnh (1)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
- Các đối tượng khác	826.973.928	-	517.282.924	-
	19.495.699.933	(6.025.555.900)	17.889.998.824	(6.025.555.900)

(1) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010 và Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 22/03/2011 chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể VND
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Công ty TNHH Phong Thịnh	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Ông Nguyễn Tất Lạc	32.511.250.000	-	32.511.250.000	-
	104.883.965.900	-	104.883.965.900	-

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	182.064.090.043	-	181.570.078.249	-
	182.064.090.043	-	181.570.078.249	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	182.064.090.043	-	181.570.078.249	-
	182.064.090.043	-	181.570.078.249	-

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (i)	32.511.250.000	32.511.250.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	73.918.519	117.137.523
	32.585.168.519	32.628.387.523

- (i) Đây là phần còn lại của khoản thanh toán 77.022.500.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty CP Hồng Hà Việt Nam) và ông Nguyễn Tất Lạc để mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group).

Theo biên bản số 10/2015/BB - HĐQT ngày 25/12/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Hồng Hà Việt Nam thì số tiền này được đánh giá là một khoản tổn thất. Vì vậy, Công ty đã phân bổ một phần khoản tổn thất này vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015 và 2016 với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Từ năm 2017 đến nay, Công ty đã dừng phân bổ khoản tổn thất này.

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	725.796.930	725.796.930
- Thanh lý, nhượng bán	(274.093.476)	(274.093.476)
Số dư cuối năm	451.703.454	451.703.454
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	708.156.930	708.156.930
- Khấu hao trong năm	17.640.000	17.640.000
- Thanh lý, nhượng bán	(274.093.476)	(274.093.476)
Số dư cuối năm	451.703.454	451.703.454
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	17.640.000	17.640.000
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 451.703.454 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 641.238.930 VND).

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Căn hộ chung cư	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.729.769.185	4.729.769.185
Số dư cuối năm	4.729.769.185	4.729.769.185
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	282.368.000	282.368.000
- Khấu hao trong năm	105.888.000	105.888.000
Số dư cuối năm	388.256.000	388.256.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	4.447.401.185	4.447.401.185
Tại ngày cuối năm	4.341.513.185	4.341.513.185

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 2 căn hộ phòng 1601 và 1702 tại Chung cư CT13, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, có diện tích lần lượt là 109,99 m² và 101,14 m². Nguyên giá lần lượt là 2.374.883.292 VND và 2.354.885.893 VND. Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 194.964.000 VND và 193.292.000 VND. Giá trị còn lại tại 31/12/2024 lần lượt là 2.179.919.292 VND và 2.161.593.893 VND.

Doanh thu phát sinh trong năm từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư là 189.818.180 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị của các tài sản này. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 TÀI SẢN DỒI DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	8.460.132.829	8.265.823.866
- Dự án Cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	8.460.132.829	8.265.823.866
	8.460.132.829	8.265.823.866

Dự án: Cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu

- Chủ đầu tư: Công ty CP Hồng Hà Việt Nam;
- Địa điểm xây dựng: 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng 01 khối chung cư cao 15 tầng;
- Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án: 61 tỷ VND;
- Tiến độ thực hiện dự án tại ngày 31/12/2024: Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, hiện đang tạm dừng để xin cấp phép thay đổi mục đích sử dụng đất.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	46.740.726.703	46.740.726.703	49.323.624.469	49.323.624.469
Công ty CP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	3.493.211.949	3.493.211.949	3.693.211.949	3.693.211.949
Ông Lưu Hoàng Long	6.166.403.913	6.166.403.913	6.136.733.753	6.136.733.753
Các người bán khác	37.081.110.841	37.081.110.841	39.493.678.767	39.493.678.767
	46.740.726.703	46.740.726.703	49.323.624.469	49.323.624.469

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức (i)	174.245.119.000	174.245.119.000
Các đối tượng khác	234.789.009	235.060.791
	174.479.908.009	174.480.179.791

(i) Khoản trả trước theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVPĐ-01 ngày 24/02/2015. (Xem thêm Thuyết minh 10).

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	146.510.950	-	-	-	146.510.950	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5	61.838.279	-	75.260.687	13.422.413	-
Thuế thu nhập cá nhân	54.025.319	-	30.892.250	-	23.133.069	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	194.365.621	194.365.621	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	200.536.274	61.838.279	228.257.871	272.626.308	183.066.432	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	844.900.576	837.825.408
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	177.222.283	185.222.283
Cổ tức lợi nhuận phải trả	671.181.000	671.181.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	883.906.019	1.534.448.013
- Lãi vay phải trả cho các cá nhân	147.269.000	147.269.000
- Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	661.258.390
- Các đối tượng khác	736.637.019	725.920.623
	2.577.209.878	3.228.676.704
Trong đó: Bên liên quan		
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	661.258.390
	-	661.258.390

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.944.698.303	4.232.251.900	(42.581.939.808)	3.162.400.858	227.336.183.676
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.317.347.419	(4.461.161)	2.312.886.258
Giảm khác	-	-	-	-	-	(362.987.073)	-	(362.987.073)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.944.698.303	4.232.251.900	(40.627.579.462)	3.157.939.697	229.286.082.861
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.944.698.303	4.232.251.900	(40.627.579.462)	3.157.939.697	229.286.082.861
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(2.399.246.001)	(1.020.762)	(2.400.266.763)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.944.698.303	4.232.251.900	(43.026.825.463)	3.156.918.935	226.885.816.098

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	35.756.000.000	17,88	35.756.000.000	17,88
Ông Nguyễn Tuấn Anh	28.717.600.000	14,36	28.717.600.000	14,36
Bà Trương Mỹ Hạnh	25.114.960.000	12,56	25.114.960.000	12,56
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	24.867.700.000	12,43	24.867.700.000	12,43
Bà Phạm Ngọc Dung	22.439.000.000	11,22	22.439.000.000	11,22
Bà Trần Thị Thanh Bình	10.000.000.000	5,00	10.000.000.000	5,00
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Quản Lý Mặt Bằng Hà Nội	21.383.000.000	10,69	21.383.000.000	10,69
Vốn góp tương đương cổ phiếu quỹ	19.000.000.000	9,50	19.000.000.000	9,50
Các cổ đông khác	12.721.740.000	6,36	12.721.740.000	6,36
Cộng	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	671.181.000	671.181.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	671.181.000	671.181.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.944.698.303	23.944.698.303
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	4.232.251.900
	28.176.950.203	28.176.950.203

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng tại địa chỉ Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội để làm văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01A/2021/HĐ-THHDK-HHVN ngày 02/01/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 02 ngày 30/06/2023 với Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí. Theo hợp đồng nêu trên Công ty phải trả tiền thuê hàng kỳ là 37.500.000 VND/tháng.

Tài sản cho thuê ngoài

Công ty cho cá nhân thuê căn hộ số 1702 tại Toà nhà CT13, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội có diện tích là 101,14 m² với đơn giá cho thuê là 9.000.000 VND/tháng. Hợp đồng cho thuê có thời hạn 12 tháng.

21 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu xây lắp	-	1.872.007.108
Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản	848.407.070	853.601.480
Doanh thu chuyển nhượng BĐS	-	2.318.232.240
	848.407.070	5.043.840.828
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	-	1.872.007.108

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn xây lắp	-	1.799.938.340
Giá vốn dịch vụ cho thuê tài sản	555.888.000	660.737.552
Giá vốn chuyển nhượng BĐS	-	1.941.928.803
	555.888.000	4.402.604.695
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	450.000.000	512.676.432

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	540.374.462	370.468.344
Lãi bán các khoản đầu tư	-	3.642.337.082
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.391.246.200	-
	2.931.620.662	4.012.805.426

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	710.977.122	1.111.291.630
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	42.452.338	156.379.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.640.000	21.132.000
Thuế, phí và lệ phí	3.056.658	3.077.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.525.127.575	254.146.189
Chi phí khác bằng tiền	2.608.000	75.830.632
	3.301.861.693	1.621.857.736
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	-	46.777.668

25 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.000.000	454.545.455
Thu nhập khác	-	11.700.000
	1.000.000	466.245.455
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	-	454.545.455

26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	75.260.687
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) công ty con	-	-
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	75.260.687

27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(2.399.246.001)	2.317.347.419
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.399.246.001)	2.317.347.419
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	18.100.000	18.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(133)	128

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	770.417.122	1.170.231.630
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	42.452.338	156.379.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.528.000	170.647.220
Thuế, phí và lệ phí	3.056.658	3.077.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.404.223.040	1.884.521.690
Chi phí khác bằng tiền	8.084.329	101.184.132
	4.351.761.487	3.486.041.957

29 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	Công ty là cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu xây lắp	-	1.872.007.108
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí		1.872.007.108
Mua hàng hóa, dịch vụ	450.000.000	559.454.100
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	450.000.000	559.454.100
Thu nhập khác	-	454.545.455
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	-	454.545.455
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.191.246.200	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	2.191.246.200	

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	53.000.000	44.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	44.000.000
Bà Trần Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám Đốc, Thành viên HĐQT	160.000.000	176.045.500
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	10.000.000	16.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên BKS	10.000.000	8.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán



Nguyễn Thị Hoa Vinh
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh
 Kế toán trưởng




Trần Thị Thanh Bình
 Phó Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

